

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **02/2022/DS-PT**

Ngày: 10-01-2022

V/v: “*Tranh chấp quyền sử dụng đất,  
tài sản gắn liền với đất và hủy giấy  
chứng nhận quyền sử dụng đất*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trương Thị Thảo.

*Các thẩm phán:* Bà Đỗ Thị Nhung.

Ông Nguyễn Văn Toàn.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Trang – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:**

Ông Phan Quốc Phong – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 05 và 10 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 173/2020/TLPT-DS ngày 04 tháng 7 năm 2020 về việc “*Tranh chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 35/2019/DS-ST ngày 11 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai bị kháng cáo và kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 209/2020/QĐ-PT ngày 01/9/2020; Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 327/2020/QĐ-PT ngày 18/9/2020; Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 341/2020/QĐ-PT ngày 28/9/2020; Thông báo mở lại phiên tòa số 889/2020/TB-TA ngày 13/10/2020; Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 371/2020/QĐ-PT ngày 28/10/2020; Thông báo dời thời gian mở lại phiên tòa số 967/2020/TB-TA ngày 09/11/2020; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 597/2020/QĐ-PT ngày 30/11/2020; Thông báo mở lại phiên tòa số 1113/2020/TB-TA ngày 28/12/2020; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 15/2021/QĐ-PT ngày 18/01/2021; Quyết định tiếp tục giải quyết vụ án số 316/QĐ-PT ngày 06/12/2021; Thông báo mở lại phiên tòa số 672/2021/TB-TA ngày 06/12/2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Trương Thanh H, sinh năm 1948.

Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Đồng Nai.

*Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của ông Trương Thanh H:* Ông Trương Thanh B, sinh năm 1978, trú tại: Ấp A, xã B, huyện C, Đồng Nai.(có mặt)

- *Bị đơn:* Bà Hồ Thị Kiều N, sinh năm 1956.(có mặt)

Ông Vương H1, sinh năm 1954 (đã chết vào ngày 16/02/2020)

Cùng địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Đồng Nai.

- *Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Vương H1:*

1. Bà Hồ Thị Kiều N, sinh năm 1956.

2. Ông Vương Thanh V, sinh năm 1980. (có mặt)

3. Ông Vương Thanh T, sinh năm 1983. (có mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Đồng Nai.

4. Bà Vương Kim L (Wang Yi-H), sinh năm 1978.

Địa chỉ: 2F, No.1, Ln.XX, Baohe St, Luzhou Dist, New Taipei City XXX, Taiwan (R.O.C).

5. Ông Vương Thanh M, sinh năm 1986.

Địa chỉ: 1F, No.XXX, Sec.1, Zhongxing Rd, Wugu Dist, New Taipei City XXX, Taiwan (R.O.C).

*Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của bà Loan và ông Mỹ:* Bà Hồ Thị Kiều N.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Trương Thanh B, sinh năm 1978.

Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Đồng Nai.

2. Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Đồng Nai. (vắng mặt)

Địa chỉ: Khu trung tâm hành chính huyện C, ấp D, xã E, huyện C, tỉnh Đồng Nai.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* *Theo đơn khởi kiện của ông Trương Thanh H; lời trình bày của ông Trương Thanh B là người đại diện theo ủy quyền của ông H, đồng thời cũng là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án:*

Nguồn gốc phần đất ông Trương Thanh H tranh chấp với bà Hồ Thị Kiều N và ông Vương H1 là do cha mẹ ông H nhận chuyển nhượng lại của ông H2 vào năm 1959, trên đất khi đó còn có một căn nhà lá. Năm 1973, cha mẹ ông H phá bỏ căn nhà lá và xây dựng lại thành một căn nhà lầu, trước khi chết cả hai đã cho ông H và ông H đã quản lý sử dụng đến nay. Ranh đất của ông H tính từ vách nhà lầu và nhà kho thì còn thừa phần đất trống khoảng 40cm chạy thẳng ra phía sau, tuy nhiên hiện tại phần đất trống từ nhà kho cho đến cuối đất đã bị bà N lấn chiếm xây dựng nhà ở.

Trên phần đất tranh chấp trước đây có 01 cái giếng đào (hiện tại đã được lấp). Vào khoảng năm 1993 ông H và vợ chồng bà N thỏa thuận mỗi người trừ một nửa đất để đào giếng, nhưng do thời gian đó ông H chạy xe ôm từ sáng sớm đến chiều tối mới về nên vợ chồng bà N ở nhà đã thuê người đào giếng nằm trọn trên phần đất của ông H, khi phát hiện thì giếng đã đào xong nên ông H không ý kiến gì và vẫn đưa cho bà N ½ tiền công đào giếng. Vì vậy việc bà N cho rằng toàn bộ giếng đào nằm trong phần đất của bà N và cắm trụ sắt, rào kẽm gai gần hồ nước lên đến nhà kho nhà ông H là không đúng. Phần đất trống như đã nói trên là thuộc quyền quản lý sử dụng của ông H, năm 2006 khi làm chuồng nuôi heo bà N cũng đã xây lán sang, do sự việc đã rồi nên sau đó ông H có xây một tường rào bằng gạch cao 1,4m dài hơn 9m cặp sát tường chuồng heo của bà N nhằm ngăn không cho bà N lấn chiếm đất nữa.

Nay ông H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết buộc bà N, ông Vương H1 phải tháo dỡ toàn bộ tài sản trên đất và trả lại cho ông H phần diện tích đất 82,8m<sup>2</sup> (được giới hạn bởi các mốc 13,14,19,20,15,4,5,16,13), hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BK 399XXX do UBND huyện C cấp ngày 31/7/2013 cho ông Vương H1 và bà Hồ Thị Kiều N đối với phần diện tích đất 82,8m<sup>2</sup> thuộc một phần thửa số 9, tờ bản đồ số 8 xã B, huyện C.

Ông B xác định mặc dù có chung hộ khẩu với ông H nhưng ông có nhà ở riêng, không liên quan đến phần đất ông H đang tranh chấp với vợ chồng bà N nên ông không có ý kiến hay yêu cầu gì.

*\* Theo lời trình bày của bị đơn bà Hồ Thị Kiều N (đồng thời cũng là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Vương H1, người đại diện theo ủy quyền của người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Vương H1 là bà Vương Kim L và ông Vương Thanh M):*

Về nguồn gốc phần đất vợ chồng bà sử dụng là do mẹ chồng bà khai hoang trước năm 1968, sau đó tặng cho lại vợ chồng bà vào năm 1975 và vợ chồng bà đã sử dụng ổn định đến nay, năm 2013 vợ chồng bà đã được UBND huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng phần đất diện tích 297,4m<sup>2</sup> thuộc thửa số 9, tờ bản đồ số 8 xã B, huyện C.

Trong phần đất 297,4m<sup>2</sup> có 26,1m<sup>2</sup> là phần mái hiên, phần nhà lâu, phần nhà kho của ông Thanh H, ngoài ra ông Thanh H còn lấn chiếm sử dụng thêm phần đất trống phía sau có diện 37,4m<sup>2</sup> của vợ chồng bà, tổng cộng ông Thanh H đã lấn chiếm của vợ chồng bà phần đất diện tích 63,5m<sup>2</sup>. Do vậy nên vợ chồng bà có đơn phản tố đề nghị Tòa án giải quyết buộc ông Thanh H phải tháo dỡ nhà, trả lại cho vợ chồng bà phần diện tích đất nêu trên. Việc ông Thanh H yêu cầu vợ chồng bà phải tháo dỡ nhà, trả lại cho ông Thanh H phần đất có diện tích 82,8m<sup>2</sup> và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà UBND huyện C đã cấp cho vợ chồng bà, bà không đồng ý. Bởi lẽ diện tích đất trên là của vợ chồng bà và đã được cơ quan nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng, ranh giới đất của vợ chồng bà với đất ông Thanh H là tường nhà lâu và nhà kho của ông H, khi ông Thanh H xây nhà lâu đồ 2 tấm lam 40cm lấn sang phần không gian đất của vợ chồng bà thì vợ chồng bà cũng đã có nói nhưng do tấm lam ở trên cao, không ảnh hưởng gì đến nhà bà nên vợ chồng bà vẫn để yên cho ông Thanh H sử dụng. Việc ông Thanh H cho rằng đất của ông Thanh H tính từ tường nhà ra còn 40cm và chạy thẳng xuống hết đất là không đúng, vì nếu là đất của ông Thanh H thì tại sao thời điểm vợ chồng bà xây căn nhà phía sau sát bờ tường nhà kho của ông Thanh H nhưng ông Thanh H không có ý kiến. Riêng giếng đào là do bà mướn người đào bên phần đất của vợ chồng bà, hoàn toàn không có việc mỗi bên bỏ ra ½ đất, bà thừa nhận sau khi đào giếng xong ông Thanh H có hùn tiền công đào giếng để xài nước chung. Thời gian sau này do giếng đào không sử dụng nữa nên vợ chồng bà đã lấp lại, cũng hoàn toàn không có việc ông Thanh H đã cùng vợ chồng bà lấp lại giếng. Bà khẳng định phần đất vợ chồng bà xây chuồng heo là thuộc quyền sử dụng của vợ chồng bà, nếu vợ chồng bà xây lấn đất của ông Thanh H thì tại sao lúc đó ông Thanh H không có ý kiến. Đối với việc ông Thanh H xây tường rào áp sát chuồng heo của vợ chồng bà thì vợ chồng bà đã ngăn cản ngay từ ban đầu nhưng ông Thanh H vẫn cứ xây chứ không phải vợ chồng bà không ngăn cản.

\* Ông Vương Thanh V và ông Vương Thanh T là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Vương H1 cũng thống nhất với lời trình bày như trên của bà N.

\* Theo công văn số 6541/UBND-TP ngày 29/12/2015 và công văn số 4617/UBND-TP ngày 13/7/2017 của UBND huyện C có nội dung như sau:

- Về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 9, tờ bản đồ số 8 xã B:

Ngày 26/11/2012, ông Vương H1 và bà Hồ Thị Kiều N có làm đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 9, tờ bản đồ số 8 (tương ứng với thửa đất số 44, tờ bản đồ số 5 xã B cũ). Trên cơ sở kết quả xét duyệt nguồn gốc sử dụng đất của UBND xã B (đất sử dụng ổn định, không tranh chấp) và kiến nghị của Phòng Tài nguyên và Môi trường, ngày 31/7/2013 UBND huyện C đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BK 399XXX đối với phần đất có diện tích 297,4m<sup>2</sup> thuộc thửa số 9, tờ bản đồ số 8 xã B cho ông H1 và bà N. Hiện nay, diện tích thửa đất chỉ còn là 249,4m<sup>2</sup> do đã bị thu hồi 48m<sup>2</sup> để thực hiện dự án nâng cấp, cải tạo đường Lý Thái Tổ (ĐT 769, đoạn qua xã B theo quyết định số 4300/QĐ-UBND ngày 30/6/2014 của UBND huyện C).

Qua rà soát hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông H1 và bà N, UBND huyện C nhận thấy việc cấp giấy chứng nhận trên là đúng trình tự thủ tục, hồ sơ đăng ký xin cấp giấy chứng nhận ông H1 và bà N kê khai đúng quy định của pháp luật.

- Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 8, tờ bản đồ số 8 xã B:

Theo rà soát của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai - Chi nhánh C, hiện nay trong sổ bộ địa chính được lưu trữ chưa có tên hộ gia đình, cá nhân nào đăng ký sử dụng thửa đất trên. Tuy nhiên, ngày 30/6/2014 UBND huyện C đã ban hành quyết định số 4639/QĐ-UBND về việc thu hồi 57m<sup>2</sup> đất của ông Trương Thanh H, thuộc thửa số 8, tờ bản đồ số 8 xã B (bản đồ mới) để thực hiện nâng cấp, cải tạo đường Lý Thái Tổ (ĐT 769) đoạn qua xã G. Qua chồng ghép bản đồ địa chính mới và cũ (không kiểm tra đối soát ngoài thực địa) thì thửa đất số 8, tờ bản đồ số 8 xã B (mới) tương ứng với thửa đất số 45, 56 và một phần đường giao thông thuộc tờ bản đồ số 5 xã B (cũ) và hiện chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Về việc ông Trương Thanh H yêu cầu hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Hồ Thị Kiều N, tại Điều 106 Luật Đất đai năm 2013 quy định về đình chính, thu hồi giấy đã cấp, trong đó khoản 2 điểm a có nêu “nhà nước thu hồi toàn bộ diện tích đất trên giấy chứng nhận đã cấp”. Như vậy, UBND huyện C nhận thấy nội dung yêu cầu hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên của ông Trương Thanh H là không thể thực hiện, vì chỉ có thể hủy cả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 35/2019/DS-ST ngày 11/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai đã căn cứ Điều 26, 34, 35, 39, 144, 147, 157, 158, 165, 200, 220, 228, 235, 264, 266, 267, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 175, 176, 166 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 203, 204 Luật Đất đai năm 2013; Pháp lệnh về án phí, lệ phí Tòa án năm 2009; Nghị quyết

326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về thu, miễn, giảm ... án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trương Thanh H đối với bị đơn bà Hồ Thị Kiều N và ông Vương H1 về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”;

Buộc bà Hồ Thị Kiều N và ông Vương H1 trả lại cho ông Trương Thanh H diện tích đất 4m<sup>2</sup> được giới hạn bởi các mốc từ A, 17, 22, D, E, 13, A và di dời đường ống cấp nước trên đất.

Ông Trương Thanh H được quyền quản lý, sử dụng diện tích đất 425,5m<sup>2</sup> được giới hạn bởi các mốc 1, 2, 3, 4, C, 21, D, E, 13, A, 14, 1.

Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BK 399XXX cấp ngày 31/7/2013 cho ông Vương H1 và bà Hồ Thị Kiều N đối với phần diện tích đất 55,4m<sup>2</sup> được giới hạn bởi các mốc từ 14, 18, 19, 20, 15, 4, C, 21, D, E, 13, A, 14.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trương Thanh H về việc yêu cầu bà Hồ Thị Kiều N, ông Vương H1 trả lại quyền sử dụng đất diện tích 27,4m<sup>2</sup> được giới hạn bởi các mốc từ E, D, 21, C, 4, 5, G, 16, E và tài sản gắn liền với đất.

Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bị đơn bà Hồ Thị Kiều N và ông Vương H1 đối với nguyên đơn ông Trương Thanh H về “Tranh chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất”;

Buộc ông Trương Thanh H phải tháo dỡ tường gạch cao 2,2m dài 2,3m trả lại cho bà N và ông Vương H1 diện tích đất 7,1m<sup>2</sup> được giới hạn bởi các mốc từ 21, C, G, 16, B, 21.

Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn bà Hồ Thị Kiều N và ông Vương H1 với nguyên đơn ông Trương Thanh H đối với diện tích đất 56,4m<sup>2</sup> và tài sản gắn liền với đất được giới hạn bởi các mốc từ 18, 19, 20, 15, 4, C, 21, D, 17, 18.

Ông Vương H1, bà Hồ Thị Kiều N được quyền quản lý, sử dụng diện tích đất 241,6m<sup>2</sup> được giới hạn bởi các mốc 13, E, D, 21, C, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13.

Vị trí, diện tích đất trên theo bản vẽ số 7471 ngày 08/11/2019 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai – Chi nhánh C.

Các đương sự có trách nhiệm liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để đăng ký kê khai lại quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

- Ngày 25/11/2019, ông Trương Thanh H có đơn kháng cáo Bản án dân sự sơ thẩm số 35/2019/DS-ST ngày 11 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông H.

- Ngày 22/11/2019, ông Vương H1 và bà Hồ Thị Kiều N có đơn kháng cáo Bản án dân sự sơ thẩm số 35/2019/DS-ST ngày 11 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trương Thanh H và chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông H1 và bà N.

- Ngày 10/12/2019, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai đã ban hành Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 374/QĐKNPT-VKS-DS đối với Bản án dân sự sơ thẩm số 35/2019/DS-ST ngày 11/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử phúc thẩm theo hướng hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 35/2019/DS-ST ngày 11/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch do đã xét xử vụ án không đúng thẩm quyền, vi phạm khoản 4 Điều 34; khoản 1 Điều 41 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 34 Luật Tố tụng hành chính năm 2015 (có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2016), lẽ ra Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch phải căn cứ các điều luật trên ra quyết định chuyển vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai giải quyết theo thẩm quyền và xóa sổ thụ lý đối với vụ án mới đúng quy định của pháp luật.

- Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm:

+ Về việc tuân theo pháp luật ở giai đoạn phúc thẩm đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai vẫn giữ quan điểm theo như Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 374/QĐKNPT-VKS-DS ngày 10/12/2019 đã ban hành đối với Bản án dân sự sơ thẩm số 35/2019/DS-ST ngày 11/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử phúc thẩm theo hướng hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 35/2019/DS-ST ngày 11/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch do đã xét xử vụ án không đúng thẩm quyền, vi phạm khoản 4 Điều 34; khoản 1 Điều 41 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 34 Luật Tố tụng hành chính năm 2015 (có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2016), lẽ ra Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch phải căn cứ các điều luật trên ra quyết định chuyển vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai giải quyết theo thẩm quyền và xóa sổ thụ lý đối với vụ án mới đúng quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1]Về thủ tục tố tụng: Quyết định kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai và đơn kháng cáo của nguyên đơn, bị đơn trong hạn luật định nên được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2]Về quan hệ pháp luật và tư cách đương sự: Tòa án cấp sơ thẩm xác định đúng và đầy đủ. Ngoài ra, trong quá trình xét xử phúc thẩm do ông Vương H1 chết nên Tòa án cấp phúc thẩm đưa bà Hồ Thị Kiều N, anh Vương Thanh V, anh Vương Thanh T, chị Vương Kim L và anh Vương Thanh M (vợ và con của ông Vương H1) vào tham gia tố tụng với tư cách là người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Vương H1.

[3]Về nội dung kháng nghị: Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai vẫn giữ nguyên quan điểm kháng nghị đối với Bản án dân sự sơ thẩm số 35/2019/DS-ST ngày 11/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai cho rằng Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch đã xét xử và ban hành Bản án dân sự sơ thẩm số 35/2019/DS-ST ngày 11/11/2019 không đúng thẩm quyền, vi phạm khoản 4 Điều 34; khoản 1 Điều

41 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 34 Luật Tố tụng hành chính năm 2015 (có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2016), lẽ ra Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch phải căn cứ vào các điều luật trên để ra quyết định chuyển vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai giải quyết theo thẩm quyền và xóa sổ thụ lý đối với vụ án. Nhận thấy quyết định kháng nghị trên của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai không có căn cứ để Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận, bởi lẽ theo mục 2 phần IV (phần giải đáp về tố tụng dân sự, thi hành án dân sự) Giải đáp số 01/2017/GĐ-TANDTC ngày 07/4/2017 của Tòa án nhân dân tối cao có nêu rõ: *“Trường hợp vụ việc dân sự do Tòa án nhân dân cấp huyện thụ lý trước ngày 01-7-2016 nhưng kể từ ngày 01-7-2016 mới phát sinh yêu cầu hủy quyết định cá biệt của Ủy ban nhân dân cấp huyện mà quyết định đó rõ ràng trái pháp luật, xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự và phải hủy quyết định đó mới bảo đảm giải quyết đúng đắn vụ việc dân sự thì căn cứ khoản 4 Điều 34 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 5 Điều 1 Nghị quyết số 104/2015/QH13 ngày 25-11-2015 của Quốc hội về việc thi hành Luật Tố tụng hành chính năm 2015, Tòa án nhân dân cấp huyện đã thụ lý tiếp tục giải quyết theo thủ tục chung mà không chuyển cho Tòa án nhân dân cấp tỉnh giải quyết. Nếu Tòa án nhân dân cấp huyện đã chuyển hồ sơ vụ việc cho Tòa án nhân dân cấp tỉnh và Tòa án nhân dân cấp tỉnh đã thụ lý thì Tòa án nhân dân cấp tỉnh tiếp tục giải quyết”*. Do vậy, việc Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch thụ lý và tiếp tục giải quyết vụ án theo thủ tục chung mà không chuyển cho Tòa án nhân dân cấp tỉnh giải quyết là đúng thẩm quyền.

[4] Về nội dung vụ án và kháng cáo của các đương sự:

Qua lời trình bày của các bên đương sự và qua các chứng cứ thể hiện tại hồ sơ, nhận thấy có cơ sở xác định nguồn gốc đất hiện nguyên đơn và bị đơn đang sử dụng đều từ cha mẹ họ tạo lập trước đó và để lại cho họ. Thửa đất số 09, tờ bản đồ số 8 xã B, huyện C đã được UBND huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BK 399XXX vào ngày 31/7/2013 cho vợ chồng ông Vương H1 và bà Hồ Thị Kiều N (gọi tắt là vợ chồng bà N). Còn thửa đất số 08, tờ bản đồ số 8 xã B, ông Trương Thanh H mới chỉ làm thủ tục đăng ký kê khai và chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Trên thực tế, gia đình ông Trương Thanh H và gia đình ông Vương H1 - bà Hồ Thị Kiều N đã xây dựng nhà ở trên đất từ trước năm 1975, sau này vợ chồng bà N xây dựng thêm nhà sau và chuồng nuôi heo ở cuối thửa đất, phần đất trống phía sau nhà kho do ông Thanh H xây dựng sau này cả ông Thanh H và vợ chồng bà N đều xác định đang do mình quản lý sử dụng.

Theo ông Thanh H thì ngoài chiều ngang phần đất căn nhà lâu được xây dựng từ năm 1975, gia đình ông còn chừa lại phần đất trống có chiều ngang 40cm tính từ vách nhà lâu trở ra và kéo dài cho đến hết ranh đất giáp với đất của vợ chồng bà N nhưng phần đất trống này đã bị vợ chồng bà N lấn chiếm. Cụ thể phần từ giáp đường nhựa vào đến hết nhà lâu của ông đã bị vợ chồng bà N sử dụng đặt đường ống cấp nước nổi phía trên; phần từ nhà kho đến hết đất thì vợ chồng bà N xây nhà ở, đào giếng nước và xây chuồng nuôi heo. Quá trình vợ chồng bà N xây dựng, ông có phản đối nhưng cả hai vẫn cứ làm, vì tình nghĩa xóm giềng nên ông cũng không khiếu nại hay tranh chấp đến cơ quan có thẩm quyền. Sau đó, ông đã xây dựng 01 tường rào bằng gạch cao 1,4m, dài hơn 9m (theo Bản vẽ số 7471 ngày 08/11/2019 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai – Chi nhánh C là từ mốc số 4) áp sát

với chuồng heo chạy lên gần giáp với giếng nước và góc nhà của vợ chồng bà N, mục đích của ông là không cho vợ chồng bà N lấn chiếm đất của gia đình ông nữa, do vậy ông xác định phần đất đào giếng nước (hiện tại đã lấp) thuộc quyền sử dụng của gia đình ông.

Như vậy, qua lời trình bày trên cho thấy bản thân ông Thanh H cũng thừa nhận ranh giới đất thực tế giữa hai nhà là từ đầu nhà kho của ông Thanh H cho đến hết phần nhà ở của vợ chồng bà N (từ mốc D đến mốc B theo bản vẽ). Riêng phần đất trống rộng 40cm nằm giữa vách tường nhà lâu của ông Thanh H và căn nhà phía trước của vợ chồng bà N (phần giáp đường Lý Thái Tổ) ông Thanh H cho rằng thuộc quyền sử dụng của gia đình ông là có cơ sở. Bởi lẽ, theo hiện trạng thực tế cho thấy trước đây căn nhà lâu của ông Thanh H được xây dựng trước nhà của vợ chồng bà N, căn cứ khẳng định chắc chắn hơn được thể hiện qua việc ông Thanh H đã làm 02 tấm lam cửa sổ từ tường nhà lâu ra 40cm và tồn tại đến nay trên 30 năm (hiện tại chỉ còn 01 tấm lam phía trong, tấm lam phía ngoài đã bị tháo dỡ do mở đường), từ thời điểm gia đình ông Thanh H xây dựng nhà lâu và làm 02 tấm lam cho đến nay phía vợ chồng bà N hoàn toàn không có ý kiến và cũng không tranh chấp gì. Hơn nữa, tại phần móng và phần tường gạch cũ giáp đường đã tháo dỡ của hai bên thể hiện móng gạch còn lại thuộc đất của ông Thanh H.

Theo bà N thì ranh đất giữa nhà ông Thanh H và nhà vợ chồng bà là mặt ngoài tường nhà lâu và tường nhà kho của ông Thanh H chứ không còn phần đất nào nữa. Phần nhà cũ phía trước giáp với phần nhà lâu của ông Thanh H khi xây dựng vợ chồng bà có chừa lại phần đất trống khoảng 40cm, phần nhà sau khi xây vợ chồng bà đã xây áp sát vào nhà kho của ông Thanh H, còn giếng nước và chuồng heo được làm bên phần đất của vợ chồng bà chứ không lấn vào phần đất nào của ông Thanh H cả, thời điểm ông Thanh H xây dựng tường rào bằng gạch áp sát chuồng heo của vợ chồng bà thì vợ chồng bà có ngăn cản nhưng không có khiếu nại hay tranh chấp đến cơ quan có thẩm quyền.

Như đã nhận định ở phần trình bày của ông Thanh H cho thấy việc bà N khẳng định phần đất trống 40cm nằm giữa tường nhà phía trước của vợ chồng bà N với tường nhà lâu của ông Thanh H thuộc quyền sử dụng của vợ chồng bà N là không có căn cứ. Đối với phần ranh giới ở đoạn giữa của hai nhà (đoạn đầu nhà kho của ông Thanh H cho đến hết phần nhà ở của vợ chồng bà N, từ mốc D đến mốc B theo bản vẽ) được xác định theo hiện trạng cả hai đang sử dụng là phù hợp với quy định của pháp luật. Riêng phần diện tích đất trống phía sau nhà kho của ông Thanh H, nơi trước đây có 01 giếng nước (giếng đào) được dùng chung cho cả hai nhà, nhận thấy bà N xác định thuộc quyền sử dụng của vợ chồng bà N là có căn cứ. Bởi lẽ khi vợ chồng bà N đào giếng nước trên phần đất, ông Thanh H có biết nhưng vẫn không phản đối mà còn đồng ý phụ tiền công đào với vợ chồng bà N để được sử dụng chung giếng nước, vì vậy cho thấy ông Thanh H cũng đã mặc nhiên thừa nhận phần đất trên thuộc quyền sử dụng của vợ chồng bà N.

Do vậy việc Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ theo quy định tại Điều 175, 176 Bộ luật dân sự năm 2015 về ranh giới giữa các bất động sản và mốc giới ngăn cách các bất động sản, hiện trạng thực tế như ranh nhà và hàng rào của các bên để xác định ranh giới đất giải quyết vụ án là chưa đầy đủ mà còn phải căn cứ vào quá trình họ sử dụng đất, việc họ đăng ký kê khai cũng như giấy chứng nhận quyền sử dụng đất



mà họ được cấp để giải quyết mới là thỏa đáng.

Về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho vợ chồng bà N: Nhận thấy trước khi đề nghị UBND huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất số 09, tờ bản đồ 8 xã B cho vợ chồng bà N, UBND xã cũng như Phòng Tài nguyên và môi trường huyện C đã không kiểm tra làm rõ hiện trạng thực tế của thửa đất mà đã tham mưu UBND huyện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng cho vợ chồng bà N luôn cả phần nhà đất đã được ông H quản lý sử dụng từ trước năm 1975 là trái với quy định của pháp luật nên Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng Điều 34 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 xử hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BK 399XXX ngày 31/7/2013 là có căn cứ.

Từ sự nhận định trên, đối chiếu với các chứng cứ thể hiện tại hồ sơ, lời trình bày của các bên đương sự, các biên bản kiểm tra thực địa, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND huyện C cấp cho ông Vương H1 và bà N... Căn cứ theo bản vẽ số 7471 ngày 08/11/2019 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai – Chi nhánh C, sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 35/2019/DS-ST ngày 11/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai như sau:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trương Thanh H đối với bị đơn là bà Hồ Thị Kiều N và ông Vương H1 về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”. Công nhận phần đất có diện tích 30,4m<sup>2</sup> được giới hạn bởi các mốc 14, 18, 19, 20, 21, D, E, 13, A, 14 (thuộc một phần thửa đất số 09, tờ bản đồ số 8 xã B) thuộc quyền sử dụng của ông Trương Thanh H. Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BK 399XXX ngày 31/7/2013 do UBND huyện C cấp ông Vương H1 và bà N đối với phần diện tích đất trên. Do gia đình bà N hiện tại chỉ đang quản lý, sử dụng phần đất 04m<sup>2</sup> (được giới hạn bởi các mốc A, 17, 22, D, E, 13, A) trong phần đất 30,4m<sup>2</sup> để làm đường ống cấp nước nên chỉ buộc bà N và những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Vương H1 gồm bà N, anh Vương Thanh V, anh Vương Thanh T, chị Vương Kim L và anh Vương Thanh M phải di dời đường ống cấp nước trên đất để trả lại phần đất 04m<sup>2</sup> cho ông Thanh H. Riêng đối với phần đất 26,4m<sup>2</sup> còn lại hiện đang do ông Thanh H quản lý, sử dụng nên không buộc bà N và những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Vương H1 phải trả lại.

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Thanh H đối với bà Hồ Thị Kiều N và ông Vương H1 về việc tranh chấp quyền sử dụng phần đất có diện tích 52,4m<sup>2</sup> được giới hạn bởi các mốc E, D, 21, 20, 15, 4, 5, G, 16, E.

- Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bị đơn ông Vương H1 và bà Hồ Thị Kiều N đối với ông Trương Thanh H về việc tranh chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất. Công nhận phần đất có diện tích 52,4m<sup>2</sup> được giới hạn bởi các mốc E, D, 21, 20, 15, 4, 5, G, 16, E thuộc quyền sử dụng của bà N và ông Vương H1. Buộc ông Thanh H phải tháo dỡ bức tường gạch cao 2,2m, dài 2,3m trả lại cho bà N và những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Vương H1 gồm bà N, anh Vương Thanh V, anh Vương Thanh T, chị Vương Kim L và anh Vương Thanh M phần đất trên.

- Không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Vương H1 bà Hồ Thị Kiều N đối với ông Trương Thanh H về việc tranh chấp phần đất có diện tích 30,4m<sup>2</sup> và tài sản gắn liền với đất được giới hạn bởi các mốc 14, 18, 19, 20, 21, D, E, 13, A, 14.

[5]Về chi phí đo đạc và thẩm định giá: Ông Trương Thanh H phải chịu 15.303.424 đồng; Bà N và ông Vương H1 phải chịu 14.730.618 đồng (các đương sự đã nộp xong).

[6]Về án phí DSST: Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 48 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm ... án phí và lệ phí; Điều 2 Luật Người cao tuổi năm 2009 miễn án phí dân sự sơ thẩm cho nguyên đơn và bị đơn là đúng quy định. Giải quyết trả lại cho ông Trương Thanh H số tiền 2.010.000 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm (theo biên lai thu số 009373 ngày 05/3/2015 và biên lai thu số 0009604 ngày 27/8/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Nhơn Trạch) và trả lại cho bà Hồ Thị Kiều N cùng ông Vương H1 số tiền 1.750.000 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp (theo biên lai thu số 006145 ngày 08/8/2016 và biên lai thu số 001709 ngày 25/8/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Nhơn Trạch) là phù hợp.

[7]Về án phí DSPT: Do nguyên đơn và bị đơn đều là người cao tuổi nên được miễn theo quy định. Trả lại cho ông Trương Thanh H số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0009733 ngày 25/11/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Nhơn Trạch và trả lại cho bà Hồ Thị Kiều N cùng những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Vương H1 số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0009736 ngày 25/11/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Nhơn Trạch.

[8]Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai không phù hợp với nhân định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

Vì những lẽ trên:

### **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Không chấp nhận Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 374/QĐKNPT-VKS-DS của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai đối với Bản án dân sự sơ thẩm số 35/2019/DS-ST ngày 11/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.

Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 35/2019/DS-ST ngày 11/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.

Áp dụng Điều 166, 175, 176 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 203, 204 Luật Đất đai năm 2013; Pháp lệnh về án phí, lệ phí Tòa án năm 2009; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về thu, miễn, giảm ... án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1.Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trương Thanh H đối với bị đơn là bà Hồ Thị Kiều N và ông Vương H1 về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”.

2.Công nhận phần đất có diện tích 30,4m<sup>2</sup> được giới hạn bởi các mốc 14, 18, 19, 20, 21, D, E, 13, A, 14 (thuộc một phần thửa đất số 09, tờ bản đồ số 8 xã B) thuộc quyền sử dụng của ông Trương Thanh H. Buộc bà Hồ Thị Kiều N và những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Vương H1 gồm bà N, anh Vương

Thanh V, anh Vương Thanh T, chị Vương Kim L và anh Vương Thanh M phải di dời đường ống cấp nước trên đất và trả lại cho ông Trương Thanh H phần đất có diện tích 04m<sup>2</sup> được giới hạn bởi các mốc A, 17, 22, D, E, 13, A.

3. Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BK 399XXX do UBND huyện C, tỉnh Đồng Nai cấp cho ông Vương H1 và bà Hồ Thị Kiều N vào ngày 31/7/2013 đối với phần đất có diện tích 30,4m<sup>2</sup> được giới hạn bởi các mốc 14, 18, 19, 20, 21, D, E, 13, A, 14 (thuộc một phần thửa đất số 09, tờ bản đồ số 8 xã B).

4. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trương Thanh H đối với bà Hồ Thị Kiều N và ông Vương H1 về việc tranh chấp quyền sử dụng phần đất có diện tích 52,4m<sup>2</sup> được giới hạn bởi các mốc E, D, 21, 20, 15, 4, 5, G, 16, E.

5. Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bà Hồ Thị Kiều N và ông Vương H1 đối với ông Trương Thanh H về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất”.

6. Công nhận phần đất có diện tích 52,4m<sup>2</sup> được giới hạn bởi các mốc E, D, 21, 20, 15, 4, 5, G, 16, E thuộc quyền sử dụng của bà Hồ Thị Kiều N và ông Vương H1. Buộc ông Trương Thanh H phải tháo dỡ bức tường gạch cao 2,2m, dài 2,3m trả lại cho bà N và những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Vương H1 gồm bà N, anh Vương Thanh V, anh Vương Thanh T, chị Vương Kim L và anh Vương Thanh M phần đất trên.

7. Không chấp nhận yêu cầu phản tố bà Hồ Thị Kiều N và ông Vương H1 đối với ông Trương Thanh H về việc tranh chấp phần đất có diện tích 30,4m<sup>2</sup> và tài sản gắn liền với đất được giới hạn bởi các mốc 14, 18, 19, 20, 21, D, E, 13, A, 14.

8. Vị trí, diện tích đất trên theo bản vẽ số 7471 ngày 08/11/2019 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai – Chi nhánh C.

9. Các đương sự có trách nhiệm liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục đăng ký kê khai lại quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

10. Về chi phí đo đạc và thẩm định giá: Ông Trương Thanh H phải chịu 15.303.424 đồng; Bà N và ông Vương H1 phải chịu 14.730.618 đồng (các đương sự đã nộp xong).

11. Về án phí DSST: Miễn cho ông Trương Thanh H, bà Hồ Thị Kiều N và ông Vương H1 theo quy định. Trả lại cho ông Trương Thanh H số tiền 2.010.000 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 009373 ngày 05/3/2015 và biên lai thu số 0009604 ngày 27/8/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Nhơn Trạch. Trả lại cho bà Hồ Thị Kiều N và những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Vương H1 gồm bà N, anh Vương Thanh V, anh Vương Thanh T, chị Vương Kim L và anh Vương Thanh M số tiền 1.750.000 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 006145 ngày 08/8/2016 và biên lai thu số 001709 ngày 25/8/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nhơn Trạch.

12. Về án phí DSPT: Miễn cho ông Trương Thanh H, bà Hồ Thị Kiều N và ông Vương H1 theo quy định. Trả lại cho ông Trương Thanh H số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0009733 ngày 25/11/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Nhơn Trạch; Trả lại cho bà Hồ Thị Kiều N và những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Vương H1 gồm bà N, anh Vương Thanh V, anh Vương Thanh T, chị Vương Kim L và anh

Vương Thanh M số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0009736 ngày 25/11/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Nhơn Trạch.

13.Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

14.Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

***Nơi nhận:***

- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- TAND huyện Nhơn Trạch;
- Chi cục THADS huyện Nhơn Trạch;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trương Thị Thảo**